CƠ TIM

— cơ vân loại đặc biệt

SỢI CƠ TIM

- Tơ cơ → sợi cơ → lưới sợi cơ
- Nhân
  - 1 – 2
  - trứng
  - trung tâm sợi
- Bào tương
  - vân ngang : mảnh, mờ
- Màng sợi cơ
  - 2 màng
    - màng lipoprotein
    - màng đáy
  - ngoài cùng : – lớp LK
    - thưa, mỏng
    - có lưới mao mạch.
- Bào quan
  - Golgi : nhỏ, gần nhân
  - Ti thể – pp
    - xếp dọc sợi cơ ; esp 2 cực nhân → dải = lỏng Krause
    - ngoằn ngoèo ; nhiều mào
  - Glycogen
    - nhiều > c.vân
    - thành đám, esp I (>A)
  - Myoglobin
  - Hạt sắc tố mỡ
  - Ống ngang
    - ít
    - ngang vạch Z
    - lớn
  - Lưới nội bào không hạt
    - ít
    - cấu tạo
      - đơn giản
      - ∅ túi tận
    - 0 lạp'
      - 1 ống ngang
      - 1 ống của LNB

> TB tâm nhĩ
> < TB tâm thất
> & ít ống ngang hơn
> ⇒ truyền thế năng hoạt động chậm hơn

- Vạch bậc thang
  - @ – nối 2 đầu TB chập vào
  - dọc — LK khe → truyền xung (nối 2 bậc)
  - ngang
    - thể LK
    - vòng dính
    - (nối 2 tơ cùng bậc)

MÔ CƠ TIM

- Lưới sợi cơ ⇒ 1 TB co thì cả đám co → lỗ lưới
  - giữa các TB
  - có : MLK thưa →
    - mao mạch
    - m. BH
    - D. TK.
- Bộ khung { lá xơ, vòng xơ } ⇒
  - chỗ bám cho TB
  - chia khối cơ làm 2 tầng
    - tầng tâm nhĩ : mỏng
    - tầng tâm thất : dày
- Màng
  - màng trong tim (mặt l.))
  - màng ngoài tim (mặt ngoài)

LIVEWORKSHEETS

MÔ NÚT

- ? – TB tim phôi thai → tự động, nhịp nhàng – lớn → mô nút
- c.n – phát, dẫn truyền xung

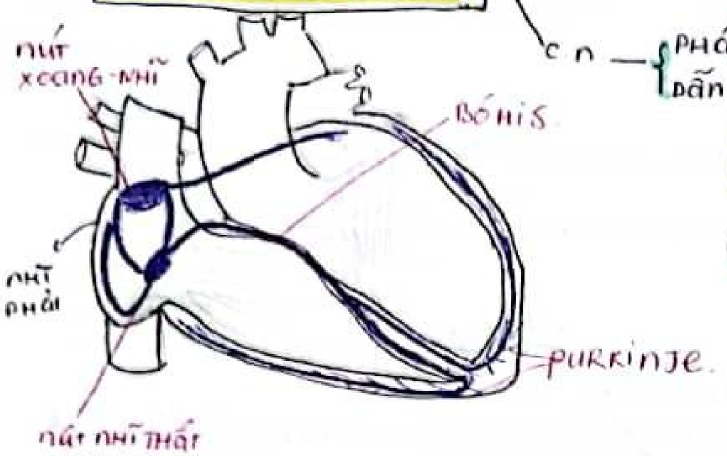

NÚT NHĨ THẤT (TARAWA)

- @ – dưới van liên nhĩ; sát chân van 3 lá
- size < nút xoang
- TB – TB mô nút: ít; TB cơ chuyển tiếp: nhiều

NÚT XOANG - NHĨ (KEITH FLACK)

- @ – bên phải TMC trên ⇒ c.n xuất phát xung
- TB cơ chuyển tiếp – @ – ngoại vi nút; ngắn, mỏng hơn TB cơ tim
- CT – TB mô nút
  - hình: □ trụ; đa diện
  - nhân: to, giữa
  - B.Tg
    - quanh nhân: rỗng; ≗ bào quan
    - ngoại vi: tơ cơ; ti thể
- LK. khe: gắn nút xoang vs TB 7

BÓ HIS

- ? – Bó các TB mô nút chạy //
- Chạy: nút nhĩ thất → thành (-) TN phải (mặt phải) → vách liên thất (sau ra TRC) → 2 mặt bên vách LT (2 nhánh)

Lưới sợi Purkinje

- @ – từ: 2 nhánh of bó his → rải rác màng trong tim
- CT – TB có tính tự động cao
  - size: to (x2 TB cơ tim)
  - xơ cơ: ít
  - glycogen: nhiều
  - ti thể: nhiều
  - lysosom: rải rác
  - lưới nội bào: không phát triển
- LK. khe → gắn vs TB cơ tim

LIVEWORKSHEETS

CÁC TB NỘI TIẾT CƠ TIM — TB cơ đặc biệt

C.TẠO = TB cơ tim + hạt chế tiết
- có vỏ bọc
- 2 cực nhân
- dưới màng BTg (xen kẽ tơ cơ)

→ Chứa tiền hormon
- CDD (cardio dilatan) → Giãn tim
- ANP (atrial natriuretic polypeptid) (126 aa) → Tăng bài Na⁺ niệu

→ xuất bào → đoạn aa đi vào máu

⇓ ức chế bài tiết
- arginin - vasopressin (thuỳ sau tuyến yên)
- aldosterol (vỏ thượng thận)

→ Giãn mạch, Hạ HA, ↓ lưu lượng máu

CƠ TRƠN

- ⊘ có vân ngang
- Kᵒ HĐ theo ý muốn → HTK thực vật chi phối

@
- Thành tạng rỗng
- Thành mạch
- Da

XƠ CƠ

Gồm
- Actin
  - hướng: [dọc, xiên]
  - quây kín myosin
  - (tỉ lệ A/M 2/1 → 14/1) ← cơ vân: 2/1 → 4/1
- Myosin
- Xơ trung gian
  - chủ yếu: desmin
  - BLT, thành mạch: vimentin

⇒ Bó, chạy dọc sợi cơ

L.kết — Actin dính vào khung { Thể đặc (~ cơ tương), Tấm đặc sát màng (chủ ≈ nối vs nhau thành lưới) }

Cơ co → Bề mặt sợi cơ lồi lõm

LIVEWORKSHEETS